

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-PT

Ngày: 05 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Viên;

Ông Trần Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Vi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Võ Khôi Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 205/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2022/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thành A (*Lắc*), sinh ngày 23/5/1993 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Số 53/25 Nguyễn Thiện Thuật, phường L, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông L.K.T (chết) và bà N.T.T.T (sinh năm 1968); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Võ Trần Minh H, sinh ngày 13/3/1997 tại thành phố N, tỉnh K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 131/24 đường 23 tháng 10, phường P, thành phố N, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Số 247/40 đường 23 tháng 10, phường P, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông V.V.M và bà T.T.K.C (sinh năm 1964); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Đặng Huy H1 (*Cu*), sinh ngày 14/5/1997 tại thành phố N, tỉnh K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 76B Vạn Hòa, phường V, thành phố N, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Số 2B Đoàn Thị Điểm, phường X, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đ.V.H (sinh năm 1964) và bà

T.T.T.H (sinh năm 1967); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Thanh M, sinh ngày 29/8/1995 tại huyện B, tỉnh Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11/3C (số mới: 53/25) Nguyễn Thiện Thuật, phường L, thành phố N, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Tổ 9, thôn Ph, xã Th, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông N.T.D (sinh năm 1969) và bà N.T.H (sinh năm 1970); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Phan Thành N (*Hí*), sinh ngày 18/12/1991 tại thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: Số 11/2 Bạch Đằng, phường T, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông P.V.T (chết) và bà L.T.H (sinh năm 1960); có vợ là Lê Thị Mai P (sinh năm 1989) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Đỗ Trí H2, sinh ngày 22/9/1985 tại huyện V, tỉnh K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tuần Lễ, xã Z, huyện V, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Số 76 Lạc Long Quân, tổ dân phố 13, thị trấn G, huyện V, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đ.C (chết) và bà T.T.H (chết); có vợ là N.T.B.H (sinh năm 1995) và có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự an toàn xã hội số 11/QĐ-XPHC ngày 20/12/2006 của Công an huyện V, tỉnh K đã xử phạt Đỗ Trí H2 với hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000 đồng về hành vi đánh nhau; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Phan Thành D, sinh ngày 01/01/1990 tại huyện A, tỉnh Đ; nơi cư trú: Số 125 Trần Nhật Duật, phường H, thành phố N, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông P.V.D (sinh năm 1959) và bà N.T.N (sinh năm 1965); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa*: Luật sư L.T.V - Văn phòng Luật sư Đ.V.P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K bào chữa cho các bị cáo Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D theo yêu cầu của các bị cáo. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Lê Thị Mai P (*Chuột*), sinh ngày 24/9/1989. Vắng mặt.
2. Chị Trần Thị Tuyết N1 (*Bo*), sinh ngày 01/6/1998. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Uy V, sinh ngày 21/5/1985. Vắng mặt.
4. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1996. Vắng mặt.
5. Chị Lê Thị D1, sinh ngày 04/3/1992. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 05/12/2018, Tổ công tác của Công an tỉnh K gồm Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Phòng Cảnh sát cơ động, Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, phối hợp với Công an phường H, thành phố N kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh Karaoke Luxury ở số 23 - 25 đường Vân Đồn, phường H, thành phố N. Quá trình kiểm tra phòng Vip 403, trong phòng có 12 người gồm Lê Thành A, Nguyễn Thanh M, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Phan Thành N, Phan Thành D, Lê Thị Mai P, Trần Tuyết N1, Đỗ Trí H2, Nguyễn Uy V, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị D1. Tổ công tác đã thu giữ được tại khe ghế 01 gói nylon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 2,4139g (ký hiệu A); thu trên nền nhà vệ sinh 01 gói nylon bên trong có chứa 06 viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 2,2358g (ký hiệu B) do A cầm ném vào. Lê Thành A khai nhận chất tinh thể màu trắng là ma túy “Khay”, các viên nén màu xanh là ma túy “Thuốc lắc”. Số ma túy này là A lấy tiền của một số người trong nhóm góp lại để mua ma túy của Y (chưa xác định lai lịch) đem vào phòng để sử dụng chung. Cụ thể, A đã góp 1.000.000 đồng, H góp 500.000 đồng, M góp 500.000 đồng, N góp 1.000.000 đồng, D góp 500.000 đồng, H1 góp 500.000 đồng, H2 góp 500.000 đồng và còn người nào nữa góp thì cả nhóm không xác định được.

Tại Bản kết luận giám định số 46/GĐTTP/219 ngày 19/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K kết luận:

- Mẫu ký hiệu 403A gửi giám định gồm: 01 bịch nylon đựng chất tinh thể màu trắng có khối lượng 2,4139g là ma túy, loại Ketamine.

- Mẫu ký hiệu 403B gửi giám định gồm: 01 bịch nylon đựng 06 viên nén màu xanh có khối lượng 2,2358g là ma túy, loại MDMA.

Vật chứng: Mẫu ký hiệu 403A và 403B không được hoàn lại sau giám định.

Đối với người đàn ông tên Y đã bán ma túy cho Lê Thành A hiện chưa xác định được lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đang xác minh làm rõ nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2022/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi với các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D; xử phạt: Bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D mỗi bị cáo 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 13/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố N nhận được đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thành A.

Ngày 12/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố N nhận được đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D khai nhận hành vi cùng nhau góp tiền, mỗi bị cáo góp 500.000 đồng (riêng bị cáo A còn góp thêm 500.000 đồng cho bạn gái; bị cáo N góp còn thêm 1.000.000 đồng cho của vợ) và có người nào đó góp 500.000 đồng để bị cáo A mua ma túy cho tất cả những người trong phòng VIP 403 sử dụng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N và Bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị cáo Lê Thành A, khai nhận: Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng, không oan, hình phạt đối với bị cáo là nhẹ, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên xin rút kháng cáo.

- Các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng, không oan, các bị cáo thay đổi kháng cáo từ kêu oan thành xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo do lo sợ phải chịu trách nhiệm hình sự nên ở giai đoạn sơ thẩm đã khai báo không đúng, hiện nay các bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình, thành khẩn khai báo đúng sự thật, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đặng Huy H1 có ông nội là Liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ; bị cáo Phan Thành N ngày 05/10/2018 đã cứu thành công người đuối nước, có thành tích trong việc phòng chống dịch Covid – 19, có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Đỗ Trí H2 tích cực vận động gia đình, người thân bàn giao đất để mở đường Cổ Mã – Đàm Môn, có thành tích trong việc phòng chống dịch Covid – 19 và ủng hộ 40.000.0000 đồng, có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thành A xin rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thành A.

Các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D thay đổi kháng cáo từ kêu oan thành xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Bị cáo Đặng Huy H1 có ông nội là Liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ; bị cáo Phan Thành N và bị cáo Đỗ Trí H2 có thành tích trong việc

chấp phòng chống dịch Covid - 19, có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt đối với cáo bị cáo; sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư L.T.V bào chữa cho các bị cáo Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận mỗi bị cáo góp 500.000 đồng để bị cáo A mua ma túy sử dụng; các bị cáo thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, thành phần nhân dân lao động, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D trình bày: Bản thân đã thấy sai lầm, hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D khai nhận: Khoảng 01 giờ ngày 05/12/2018, sau khi nhậu xong, Lê Thành A rủ nhóm bạn Nguyễn Thanh M, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Phan Thành N, Phan Thành D, Lê Thị Mai P, Trần Tuyết N1, Đỗ Trí H2, Nguyễn Uy V, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị D1 đến quán Karaoke Luxury ở số 23 - 25 đường Vân Đồn, phường H, thành phố N thuê phòng Vip 403 hát karaoke và sử dụng ma túy. Tại đây, bị cáo A đề xuất góp tiền mua ma túy sử dụng, các bị cáo đồng ý mỗi người góp 500.000 đồng (tổng cộng 12 người góp 6.000.000 đồng). Sau khi có tiền, bị cáo A đưa cho người tên Y (là nhân viên quán Karaoke Luxury) mua 10 viên ma túy “lắc” giá 3.000.000 đồng và 01 bịch ma túy “khay” giá 3.000.000 đồng và cùng nhau sử dụng. Khoảng 02 giờ ngày 05/12/2018, Tổ công tác của Công an tỉnh K gồm Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Phòng Cảnh sát cơ động, Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, phối hợp với Công an phường H, thành phố N kiểm tra hành chính, lập biên bản sự việc và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật như nội dung của Bản án sơ thẩm. Lời khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản sự việc, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thành A xin rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thành A quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày quyết định.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D:

Các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D là người có thể phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện làm huỷ hoại sức khoẻ con người, làm xói mòn đạo đức xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội và là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều thay đổi lời khai, nhằm trốn tránh trách nhiệm đối với bản thân mình và của các bị cáo khác, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Thành A là người khởi xướng và trực tiếp nhận tiền từ các bị cáo khác để mua ma túy nên vai trò và tính nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cao hơn các bị cáo khác, nên cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn mức án các bị cáo khác mới đảm bảo nguyên tắc xử lý tội phạm. Các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D cùng tham gia góp tiền mua ma túy để bản thân và những người khác sử dụng, vai trò, tính nguy hiểm hạn chế hơn bị cáo Lê Thành A nên xử phạt mức án thấp hơn mức án đối với bị cáo A. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá vai trò trách nhiệm từng bị cáo, chưa phân hóa tội phạm và xử phạt các bị cáo A bằng mức án các bị cáo khác là chưa đúng, cần rút kinh nghiệm chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Đặng Huy H1 có ông nội là Liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ; bị cáo Phan Thành N và bị cáo Đỗ Trí H2 có thành tích trong việc phòng chống dịch Covid – 19 và chấp hành chính sách tại địa phương, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật từ đó có quyết tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Ý kiến của người bào chữa và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Thành A rút kháng cáo, kháng cáo của bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342; 348; điểm b, đ khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo Lê Thành N; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2022/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K:

Tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thành A (*Lắc*). Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2022/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K đối với bị cáo Lê Thành A (*Lắc*) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày quyết định (ngày 05/4/2023).

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Võ Trần Minh H 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Đặng Huy H1 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh M 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phan Thành N 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Trí H2 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phan Thành D 07 (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thành A, Võ Trần Minh H, Đặng Huy H1, Nguyễn Thanh M, Phan Thành N, Đỗ Trí H2 và Phan Thành D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/4/2023).

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đ;
- VKSND cấp cao tại Đ;
- VKSND tỉnh K;
- Phòng PV 06 CA tỉnh K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- TAND TP. N, tỉnh K;
- VKSND TP. N, tỉnh K;
- CCTHADS TP. N, tỉnh K;
- Công an TP. N, tỉnh K;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng.
- Lưu: HS, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Tuấn